

Bản án số: 328/2026/HS-ST
Ngày: 21-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hải Trung.

2/ Bà Trần Thị Như Phương.

3/ Bà Lê Thị Bích Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 204/2026/TLST-HS ngày 12/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2180/2026/QĐXXST-HS ngày 06/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2026/QĐST-HS ngày 22/4/2026, Thông báo hoãn phiên tòa số: 6617/TB-TA ngày 11/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Lê Hoàng T; sinh năm 1998 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp P, thị trấn C, huyện P (nay là xã C), tỉnh An Giang; chỗ ở: nhà không số, hẻm A, ấp A, xã N, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; con ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Theo Quyết định số 166/2020/QĐ-TA, ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Trịnh Lê Hoàng T: Ông Trần Huy Hùng P, Luật sư của Công ty L2, Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Lê Thanh V; sinh năm 2002 tại tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: thôn B, xã I, huyện C (nay là xã I), tỉnh Gia Lai; chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: điện lạnh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh X, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Theo Bản án số 15/2021/HSST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 08/9/2022 được tha tù trước thời hạn.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Lê Thanh V: Ông Trần Huy Hùng P, Luật sư của Công ty L2, Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Trần Minh T2; sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở: 1632/1/6 L, ấp G, xã N, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn G1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Minh L1, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam 08/6/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Nguyễn Hoài V1; sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 7/9 ấp A, xã N, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: nhà không số, ấp A, xã N, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 04/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc. Ngày 30/8/2023 chấp hành xong cai nghiện.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

5. Võ Nguyên B; sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở: 3/7 ấp H, xã N, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn A, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 04/11/2024, Công an xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Trầm H, sinh năm 2002; nơi thường trú: ấp R, xã L, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: nhà không số, hẻm A, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 26/5/2025, Công an xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đưa Nguyễn Hoài V1 là đối tượng quản lý sau cai nghiện về Công an xã N để xét nghiệm chất ma túy, kết quả V1 dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine. V1 khai nhận đã sử dụng ma túy cùng với Võ Nguyên B tại nhà của B ở địa chỉ 3/7, Ấp H, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an đưa B đi xét nghiệm, kết quả B dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine và thừa nhận đã sử dụng ma túy cùng V1 tại nhà của B vào ngày 24/5/2025. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của B phát hiện 01 bình nhựa có nắp, trên nắp có gắn 01 ống thủy tinh có đầu tròn dính tinh thể không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết và 01 ống hút nhựa (B, V1 khai nhận là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy).

Ngoài ra, Võ Nguyên B và Nguyễn Hoài V1 cùng sử dụng ma túy tổng hợp với Nguyễn Trần Minh T2 tại Phòng số 9 khách sạn A1, địa chỉ: 2 Tỉnh lộ 826c, Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Kết quả xét nghiệm, T2 dương tính với ma túy loại Methamphetamine và thừa nhận đã sử dụng ma túy cùng V1 tại khách sạn A1 như trên vào ngày 21/5/2025.

Tiến hành truy xét, nguồn gốc ma túy V1 và B sử dụng là mua của Trịnh Lê Hoàng T. Qua làm việc, T thừa nhận đã bán ma túy cho B vào ngày 24/5/2025. Đồng thời qua xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, T dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại nhà không số, hẻm A, Ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện 28 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 108,17g Methamphetamine; 01 bình nhựa có nắp gắn 01 ống thủy tinh có đầu tròn dính tinh thể là ma túy thể rắn có khối lượng 0,0338g Methamphetamine và 01 ống hút nhựa; 01 đoạn ống kim loại dính tinh thể không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết; 01 cân tiểu ly; 01 cái kéo; 03 cái bật lửa và 50 vỏ gói nylon. Tại thời điểm khám xét, có mặt Lê Thị Trầm H và Lê Thanh V nên Cơ quan Công an đưa T, H, V về trụ sở để làm việc. Kết quả xét nghiệm, H âm tính với chất ma túy, V dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine. Tiến hành khám xét chỗ ở của V tại phòng trọ 35 nhà không số, khu dân cư N, Đường số H, Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An thu giữ 03 gói nylon chứa tinh thể là ma túy có khối lượng 0,8369g Methamphetamine và 01 bình nhựa có nắp gắn 01 ống thủy tinh có đầu tròn dính tinh thể là ma túy thể rắn có khối lượng 0,0440g Methamphetamine và

01 ống hút nhựa, V khai là ma túy để bán cho người khác theo yêu cầu của T và dụng cụ để sử dụng ma túy).

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B và Trần Lê Minh T4 là bạn quen biết từ trước. Vào ngày 21/5/2025, V1 gọi điện thoại rủ B sử dụng ma túy thì B đồng ý. Sau đó B rủ T4 cùng sử dụng ma túy, T4 đồng ý. B điều khiển xe mô tô chở T4 xuống xã L gặp V1; khi đến nơi V1 đưa điện thoại Redmi màu đen của V1 cho B đi cầm để lấy tiền mua ma túy. Sau khi cầm điện thoại được 2.000.000 đồng, T4 điều khiển xe chở B đến khách sạn A1, địa chỉ: 2 Tỉnh lộ 826c, Ấp D, xã L, C, Long An và đưa cho B 01 cái “nỏ” (ống thủy tinh có đầu tròn) và 01 cái bật lửa để B vào nhận Phòng số 9 và làm bộ dụng cụ để sử dụng ma túy trước, còn Trường quay lại chỗ ở của V1 đưa cho V1 số tiền 2.000.000 đồng vừa cầm điện thoại rồi V1 đưa cho T4 300.000 đồng để đi mua ma túy, còn Vũ tự mình điều khiển xe mô tô đến khách sạn A1 lên Phòng số 9 gặp B. Sau đó, T4 liên lạc với người đàn ông tên Đ (chưa rõ nhân thân lai lịch) để mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T4 đến khách sạn A1 đưa gói ma túy cho B. B lấy gói ma túy cho vào bộ dụng cụ sử dụng B đã chuẩn bị, rồi “nấu” lên và sử dụng trước. Lúc này, B đặt bộ dụng cụ sử dụng xuống bàn rồi V1 lấy bộ dụng cụ lên tự “tiêm” vào người, rồi đặt xuống bàn. B cầm bộ dụng cụ để “tiêm” cho T4 sử dụng. V1, B, T4 lần lượt sử dụng cho đến khi hết ma túy. Đến chiều ngày 22/5/2025, T4 trả phòng khách sạn và thanh toán số tiền 450.000 đồng, còn bộ D sử dụng ma túy, B cất giữ để sử dụng tiếp. Ngày 23/5/2025, V1 tiếp tục rủ B mua ma túy về để cùng sử dụng thì B đồng ý. Sau đó, V1 liên lạc với Đ để hỏi mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng, Đ đồng ý và hẹn V1 đến hẻm A L, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. B điều khiển xe mô tô chở V1 đến gặp Đ để mua ma túy. V1 trực tiếp đưa tiền và nhận ma túy. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở V1 về nhà của B, Vũ cắt gói ma túy bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, “nấu” lên sử dụng trước rồi lần lượt V1, B sử dụng, ai sử dụng thì tự “tiêm”. Đến ngày 24/5/2025, V1 tiếp tục rủ B mua ma túy để sử dụng thì B đồng ý nên V1 đưa cho B số tiền 300.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, B liên hệ với Đ thì Đ cho số 0824669001 của T để liên lạc mua ma túy. Lúc này, B liên lạc vào số 0824669001 để mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng thì T đồng ý và hẹn giao tại hẻm A L, xã N, huyện N. Sau khi mua được ma túy, B mang về nhà (lúc này V1 đang chờ sẵn tại nhà của B) đổ ma túy vừa mua vào “nỏ” rồi “nấu” lên và sử dụng trước. Sau đó, lần lượt B và V1 sử dụng ma túy. Đến ngày 26/5/2025 thì Cơ quan Công an phát hiện như đã nêu trên.

Trịnh Lê Hoàng T và Lê Thanh V là người sử dụng ma túy tổng hợp và bắt đầu cùng hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 02/2025. Khi cần mua ma túy, T liên lạc với một người đàn ông tên Quốc A (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để mua 01 gói ma túy với giá 7.000.000 đồng mang về chia thành 20-25 gói nhỏ để bán với giá từ 200.000 đồng – 500.000 đồng. Khi người nghiện cần mua ma túy thì liên lạc vào số điện thoại 0824669001 hoặc qua zalo “Quậy nè” của T để đặt mua ma túy, khi khách đến nhận ma túy thì T giao tại trước phòng trọ của T

tại nhà không số, hẻm A Ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; việc thanh toán khách trả tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M1, mang tên TRINH LE HOANG TUAN. Nếu người mua ở xa, T đưa cho V cất giữ từ 03 – 04 gói ma túy để mang đi bán theo yêu cầu của T, người mua sẽ thanh toán tiền cho T. T trả công cho V mỗi ngày 01 gói ma túy để sử dụng và thỉnh thoảng cho V tiền để chi tiêu cá nhân. Lần cuối vào ngày 28/5/2025, T liên lạc với Quốc A mua 01 gói ma túy với giá 7.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T liên lạc cho V đến chia thành 28 gói nhỏ cất giữ trên gác phòng trọ của T để bán cho người khác nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện thu giữ. Trong quá trình mua bán ma túy, T đã bán cho Võ Nguyên B được 02 lần, bán cho Được 03 lần và một số đối tượng khác không rõ lai lịch. T đã thu lợi tổng cộng số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra, T và V còn cùng nhau sử dụng ma túy tại nhà không số, hẻm A Ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/5/2025, cụ thể: Vào tối ngày 24/5/2025, T gọi điện thoại cho V đến phòng trọ của T để ăn uống, sau đó T kêu V lên gác để sử dụng ma túy thì V đồng ý. Sau đó, T bỏ 01 gói ma túy vào trong “nỏ” rồi “nấu” lên và sử dụng trước, khi V lên gác thì thấy đã có sẵn ma túy nên tự lấy sử dụng. Sau đó lần lượt T, V ai sử dụng ma túy thì tự “tiêm”. Ngày 26/5/2025, V đến nhà trọ của T ăn uống và được T cho ma túy sử dụng tại chỗ ở của T. Đến ngày 28/5/2025, khi T, V, H đang ở tại phòng trọ của T thì Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra như nêu trên.

Lê Thị Trầm H có quan hệ tình cảm với Trịnh Lê Hoàng T và đến ở cùng T từ ngày 20/5/2025. Đến ngày 28/5/2025, T bị Công an phát hiện hành vi phạm tội. Việc T và V hoạt động mua bán ma túy thì H không biết và không tham gia; kết quả xét nghiệm, H âm tính với chất ma túy nên Cơ quan Công an giải tỏa cho về.

Toàn bộ ma túy đã được đưa đi giám định thể hiện tại bản Kết luận giám định số 7438/KL-KTHS ngày 02/6/2025; số 7481/KL-KTHS ngày 04/6/2025; số 7479/KL-KTHS ngày 04/6/2025 của Phòng K Công an Thành phố H.

***Vật chứng vụ án:**

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 2358/25 có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 2369/25 có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 2368/25 có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- Thu giữ của Trịnh Lê Hoàng T: 03 bật lửa, 01 cân tiểu ly, 01 bình thủy tinh, 01 cây kéo bằng kim loại, 50 vỏ gói nylon chưa qua sử dụng; 02 điện thoại di động (S và Samsung Galaxy ZFLIP 4).

- Thu giữ của Lê Thanh V: 01 chai nhựa có nắp, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa, 01 ống hút nhựa có 01 đầu cắt nhọn, 01 cái bật lửa, 01 cây kéo; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, màu xanh đen.

- Thu giữ của Nguyễn Hoài V1: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, màu đen.

- Thu giữ của Nguyễn Trần Minh T2: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J8, màu vàng.

- Thu giữ của Võ Nguyên B: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen.

- Thu giữ của Lê Thị Trâm H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

***Tại bản Cáo trạng số 643/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 06/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:**

- Truy tố bị cáo Trịnh Lê Hoàng T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Truy tố bị cáo Lê Thanh V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Truy tố bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Truy tố bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

***Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

Các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V, Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B và Nguyễn Trần Minh T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm kết luận vụ án:

Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị như sau:

+ Tuyên bố bị cáo Trịnh Lê Hoàng T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025, đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Lê Hoàng T 20 năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm

g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Lê Hoàng T từ 07 đến 08 năm tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh là từ 27 đến 28 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Trịnh Lê Hoàng T phải nộp số tiền vào ngân sách nhà nước là 10.000.000 đồng.

+ Tuyên bố bị cáo Lê Thanh V phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38: Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh V từ 18 đến 19 năm tù.

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyễn B1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyễn B1 từ 08 đến 09 năm tù.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 từ 07 đến 08 năm tù.

Ngoài ra về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu tiêu hủy các đồ vật có liên quan đến hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng và tịch thu sung quỹ đối với các chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V không tự bào chữa.

Luật sư Trần Huy Hùng P *trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo* Trịnh Lê Hoàng T và Lê Thanh V:

+ Đối với bị cáo Trịnh Lê Hoàng T: Luật sư thống nhất về tội danh “*Mua bán trái phép chất ma túy*” mà đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo như nội dung của bản Cáo trạng, toàn bộ số ma túy hơn 100 gam được thu giữ tại nơi ở của bị cáo trong quá trình khám xét, chưa được tiêu thụ, chưa phát tán ra xã hội và chưa gây ra hậu quả tương ứng với khối lượng bị truy tố, song nếu sử dụng khung hình phạt này làm cơ sở lượng hình một cách cứng nhắc sẽ dẫn đến việc xử lý vượt quá bản chất và mức độ nguy hiểm thực tế của hành vi. Trong bối cảnh bị cáo phạm tội mang tính tự phát, thu lợi thấp, chưa phát tán ma túy ra xã hội và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tình trạng nghiện, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, bảo đảm nguyên tắc công bằng và cá thể hóa trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự, hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” không được hiểu một cách giản đơn là có sự tham gia vào việc sử dụng ma túy, mà phải thể hiện vai trò chủ động, trung tâm trong việc thiết lập và điều hành hoạt động sử dụng, nên đề nghị xem xét bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bởi lẽ, bị cáo không thiết lập đường dây, không có tổ chức chặt chẽ, không mang tính chuyên nghiệp, không có sự phân công rõ ràng như một đường dây mua bán ma túy, không có hệ thống tiêu thụ và không có dấu hiệu hoạt động phạm tội chuyên nghiệp; đồng thời, bị cáo không có hành vi chỉ huy, phân công, điều hành và đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của người khác. Khi bị cáo V đến phòng trọ của bị cáo T thấy ma túy thì V tự lấy sử dụng, đồng thời việc bị cáo T đưa cho bị cáo V ma túy như một khoản tiền công. Do đó, bị cáo T không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá đúng bản chất hành vi, xác định bị cáo ở vai trò hạn chế, từ đó áp dụng mức hình phạt thấp trong khung hình phạt trên cơ sở bị cáo Trịnh Lê Hoàng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

+ Đối với bị cáo Lê Thanh V, Luật sư thống nhất về tội danh truy tố đối với bị cáo Lê Thanh V, nhưng mức án Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, không có động cơ trục lợi đáng kể và hành vi mang tính chất hạn chế, đây là cơ sở quan trọng để áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo như bị cáo Lê Thanh V là đồng phạm có vai trò thứ yếu, để không áp dụng mức hình phạt theo hướng nghiêm khắc tương ứng với bị cáo giữ vai trò chính, trong khi đó, tình tiết tăng nặng (nếu có) không phản ánh sự gia tăng đáng kể mức độ nguy hiểm của hành vi. Trên cơ sở bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ và vai trò thứ yếu, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo V một mức hình phạt thấp hơn đáng kể so với khung truy tố mà Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa, bảo đảm nguyên tắc công bằng, nhân đạo và cá thể hóa trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V đồng ý lời bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B và Nguyễn Trần Minh T2 không tự bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” không bắt buộc phải có sự phân công, chỉ huy, điều hành như quan điểm bào chữa của Luật sư. Bị cáo T đã có hành vi cung cấp ma túy và đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của bị cáo V, nên bị cáo đã phạm tội danh này.

Qua nội dung đối đáp, luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V, Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B và Nguyễn Trần Minh T2 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, mặc dù bị cáo Trịnh Lê Hoàng T có nhận thức không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại phần tranh luận như lập luận của luật sư đã bào chữa cho bị cáo. Song trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo này là phù hợp với lời khai của bị cáo khác, cũng như lời khai, các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định như sau:

-Đối với bị cáo Trịnh Lê Hoàng T: Vì mục đích vụ lợi, nên vào khoảng tháng 02/2025, Trịnh Lê Hoàng T bắt đầu mua bán ma túy, nguồn ma túy T mua từ Quốc A (không rõ lai lịch) sau đó mang về phân chia thành từng gói nhỏ để bán lại kiếm lời. Khám xét chỗ ở của T tại nhà trọ không số, hẻm A Ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra thu giữ ma túy ở thể rắn, qua giám định có khối lượng 108,2038 gam, loại Methamphetamine. Ngoài ra, T có hành vi cung cấp ma túy và địa điểm cho Lê Thanh V sử dụng vào ngày 24/5/2025 và 26/5/2025, nên Trịnh Lê Hoàng T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 109,0847 gam, loại Methamphetamine (bao gồm: khối lượng 108,2038 gam, loại Methamphetamine và số ma túy khám xét thu giữ của V khối lượng 0,8809 gam, loại Methamphetamine).

Như vậy, hành vi của Trịnh Lê Hoàng T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilogam”, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, thì tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Lê Thanh V là đồng phạm giúp sức cho Trịnh Lê Hoàng T mua bán ma túy. Sau khi T mua ma túy về, V đến phụ giúp phân chia ma túy và giao ma túy cho khách theo yêu cầu của T, T trả công cho V bằng ma túy để sử dụng và cho tiền tiêu xài, quá trình khám xét chỗ ở của V tại phòng trọ 35 nhà không số, khu dân cư N, Đường số H, Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, Cơ quan điều tra thu giữ khối lượng ma túy ở thể rắn, qua giám định là 0,8809 gam,

loại Methamphetamine. Nên, Lê Thanh V cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho T với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn 109,0847 gam, loại Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của Lê Thanh V cũng đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilogam”, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, thì tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

-Bị cáo Nguyễn Hoài V1 có hành vi mua ma túy, bị cáo Võ Nguyên B chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy để V1, B và Nguyễn Trần Minh T2 sử dụng ma túy vào ngày 21/5/2025 tại khách sạn A1, địa chỉ: 2 Tỉnh lộ 826c, Ấp D, xã L, C, Long An. Ngoài ra, V1 đặt mua ma túy và cùng sử dụng với B tại nhà B số C, Ấp H, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 và 24/5/2025 và bị khám xét thu giữ bộ dụng cụ sử dụng ma túy còn dính tinh thể, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

-Bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 có hành vi cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy và trả tiền thuê phòng khách sạn để cả nhóm Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B và T2 sử dụng ma túy vào ngày 21/5/2025. Như vậy, hành vi của Nguyễn Trần Minh T2 đã phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên”, tội phạm và hình phạt, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Các bị cáo đều là những người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt thật sự nghiêm khắc đối với tất cả các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V phạm tội “Phạm tội 02 lần trở lên” đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nên Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải, nên cùng được hưởng

tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên đây là các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V đều bị xét xử với những tội danh khác nhau, các bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B đều có tiền sự, nhưng không biết cải sửa bản thân nay các bị cáo lại phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng là có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự, song lần phạm tội này của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nên cần một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo. Trên cơ sở bị cáo Lê Thanh V là đồng phạm giúp sức cho Trịnh Lê Hoàng T, các bị cáo còn lại đồng phạm với nhau về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù trong trại giam một thời gian, tương xứng với hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo đã gây ra và cũng để cho các bị cáo có đủ thời gian tự cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời cũng là để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Song có xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo theo các Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, cũng như xem xét vai trò của bị cáo Trịnh Lê Hoàng T trong việc không nhận tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại phần tranh luận như lập luận của luật sư đã bào chữa cho bị cáo và áp dụng thêm Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trịnh Lê Hoàng T. Đồng thời xem xét đến vai trò đồng phạm giúp sức của bị cáo Lê Thanh V để áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự, để xem xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung theo khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối với bị cáo Trịnh Lê Hoàng T vì bị cáo có hành vi mua bán ma túy và đã thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Đồng thời Hội đồng xét xử không có cơ sở để thu khoản tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính, vì chỉ có lời khai của các bị cáo đối với khoản tiền này, cũng như miễn toàn bộ hình phạt bổ sung cho các bị cáo còn lại.

[5] Đối với các đối tượng bán ma túy tên “Quốc Anh”, “Được”, do các bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý là có căn cứ. Hội đồng xét xử đề nghị tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo các quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt người phạm tội.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Lê Hoàng T về tội “Mua

bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Lê Thanh V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; truy tố các bị cáo Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở để chấp nhận; đồng thời, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị về hình phạt đối với các bị cáo, cũng như chấp nhận một phần về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng.

Lập luận trên đây là cơ sở để không chấp nhận lời bào chữa của luật sư đã bào chữa cho bị cáo Trịnh Lê Hoàng T về việc không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, cũng như không có cơ sở để xét xử các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T và Lê Thanh V mức án dưới mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; luật sư, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] *Về vật chứng của vụ án:*

- Đối với số tang tài vật còn lại theo biên bản không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử thấy các vật chứng không được phép lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các đồ vật thu giữ là điện thoại, cân điện tử... Hội đồng xét xử thấy đây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; đối với điện thoại không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu.

[8.2] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[8.3] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

1.1/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025,

Xử phạt bị cáo Trịnh Lê Hoàng T: 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Buộc bị cáo Trịnh Lê Hoàng T phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

-Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trịnh Lê Hoàng T: 08 (Tám) năm tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội danh, buộc bị cáo Trịnh Lê Hoàng T phải chịu hình phạt chung là 28 (Hai mươi tám) năm tù. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 31/5/2025.

1.2/ Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh V: 18 (Mười tám) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 31/5/2025.

1.3/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài V1: 09 (Chín) năm tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 08/6/2025.

1.4/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Võ Nguyên B: 08 (Tám) năm tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 08/6/2025.

1.5/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Minh T2: 07 (Bảy) năm tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 08/6/2025.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

2.1/ Tịch thu tiêu hủy gồm: Mẫu vật đã sử dụng hết. H1 lại gói niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra, bên trong có: 01 ống thủy tinh (KH: 2358/25); mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra gồm: Tinh thể có tổng khối lượng 107,64g; 01 ống thủy tinh chứa chất có khối lượng 0,0113g; 01 ống kim loại (KH: 2369/25); mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra gồm: Tinh thể có tổng khối lượng 0,6556g; 01 ống thủy tinh chứa chất có khối lượng 0,0148g (KH: 2368/25); 04 bật lửa đã qua sử dụng; 01 bình thủy tinh đã qua sử dụng; 02 cây kéo bằng kim loại đã qua sử dụng; 50 vỏ gói nylon chưa qua sử dụng; 01 chai nhựa có nắp, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa; 01 ống hút nhựa có 01 đầu cắt nhọn đã qua sử dụng.

2.2/ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động hiệu S Galaxy J8, màu vàng, đã qua sử dụng (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu S FLIP 4, đã qua sử dụng (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu S A7, màu đen, đã qua sử dụng (không kiểm tra được đời máy, I, số seri do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng (không kiểm tra được đời máy, I, số seri do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, màu xanh đen, đã qua sử dụng (màn bẻ, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 cân tiểu ly đã qua sử dụng.

2.3/ Trả lại Lê Thị Trầm H: 01 điện thoại di động hiệu Samsung có vỏ giống điện thoại Iphone, đã qua sử dụng (thực nhận 01 ĐTDĐ vỏ ngoài kiểu Iphone, vỏ bẻ, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong);

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/335, ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

3/ Về kiến nghị: Tiếp tục kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra đối với đối tượng bán ma túy “Quốc A”, “Được”, để làm rõ xử lý theo các quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt người phạm tội.

4/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Trịnh Lê Hoàng T, Lê Thanh V, Nguyễn Hoài V1, Võ Nguyên B và Nguyễn Trần Minh T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2026) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (3)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam số 1; (5)
- Bị cáo; (5)
- THADS TPHCM; (1)
- Đường sự; (1)
- Luật sư (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (5)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn